

ĐẠI TỪ XUNG HỒ TRONG LỤC VÂN TIÊN CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ADDRESSING PRONOUNS USED IN LUC VAN TIEN BY NGUYEN DINH CHIEU

Lưu Văn Đình, Lưu Quý Khương

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; luuvandin@gmail.com; lqkhuong@ufl.udn.vn

Tóm tắt - Truyện thơ Lục Vân Tiên (LVT) của Nguyễn Đình Chiểu có một vị thế rất quan trọng trong đời sống văn học, văn hóa dân tộc. Ở bài báo này, chúng tôi tiến hành khảo sát hệ thống đại từ xưng hô (ĐTXH) trong LVT qua hai lớp: lớp đại từ xưng hô chuyên dùng và lớp đại từ xưng hô lâm thời. Trong LVT, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng 84 ĐTXH (17 ĐTXH chuyên dùng và 67 ĐTXH lâm thời). Chúng tôi nhận thấy hệ thống ĐTXH có vai trò quan trọng trong việc thể hiện những mối quan hệ giữa các nhân vật trong LVT. Ở phạm vi bài viết này, chúng tôi tìm hiểu chức năng của hệ thống ĐTXH trong LVT với tư cách là những dấu hiệu thể hiện những quan hệ cá nhân giữa các nhân vật qua hai mối quan hệ ngang và mối quan hệ dọc.

Từ khóa - Lục Vân Tiên; truyện thơ; đại từ xưng hô; quan hệ ngang; quan hệ dọc.

Abstract - The poem story Luc Van Tien by Nguyen Dinh Chieu is of great significance in our national cultural and literary life. In this paper, we have investigated the addressing pronoun system in Luc Van Tien manifested through 2 layers of pronouns which are specialized addressing pronouns and temporary ones. In Luc Van Tien, Nguyen Dinh Chieu has used 84 addressing pronouns consisting of 17 specialized and 67 contemporary ones. It can be seen that the addressing pronoun system plays an important role in showing the relationship among characters in the story. Also, the paper has tried to find out the functions of addressing pronouns used in the poem story as signals displaying the personal relationship among characters through vertical and horizontal relations.

Key words - Luc Van Tien; poem story; addressing pronoun; vertical relation; horizontal relation.

1. Đặt vấn đề

Lục Vân Tiên (LVT) là truyện thơ nổi tiếng nhất của Nguyễn Đình Chiểu. Tác phẩm tiếp nối được mạch nguồn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, được đông đảo người Việt yêu thích. LVT là một tác phẩm giàu giá trị nhân văn. Ở đó, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng nên một xã hội lí tưởng với hàng loạt những mối quan hệ được điển hình hóa. Trong truyện thơ, nhiều cuộc thoại giữa các nhân vật xuất hiện. Trong các lời thoại của mình, các nhân vật phải sử dụng các đại từ xưng hô (ĐTXH) để giao tiếp. Tuy nhiên, do quy định của những quy luật thơ ca, việc sử dụng các ĐTXH không phải ngẫu nhiên mà theo dụng ý của nhà văn, nhà thơ. Việc sử dụng các ĐTXH trong văn chương nói chung, trong truyện thơ nói riêng thể hiện rõ mối quan hệ, tình cảm giữa các nhân vật cũng như phong cách nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ.

Từ khi ra đời cho đến nay, LVT đã được độc giả cũng như giới nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm, có thể kể các công trình của Misen, Pongsong, Hopphen, Obare, Lina, Larousse Du Xexe, Siecle, Coocdie, Niculin, Hoàng Nhật Giàu, Dương Quảng Hàm, Trần Nghĩa, Nguyễn Quang Vinh, Lâm Vinh, Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Văn Hoàn,... [2], [5]. Các tác giả trên chủ yếu chỉ quan tâm đến giá trị nội dung, tư tưởng, tình cảm, văn hóa mà chưa quan tâm nhiều đến giá trị ngôn ngữ của LVT. LVT cũng được trích giảng trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông và được giảng dạy ở những chuyên đề về Văn học Việt Nam thuộc bậc đại học và sau đại học. Theo tìm hiểu của chúng tôi, vấn đề ĐTXH trong truyện thơ LVT chưa được nhiều người quan tâm. Do vậy, chúng tôi tìm hiểu về ĐTXH trong LVT nhằm tiếp cận tác phẩm theo một khía cạnh mới từ điểm nhìn Ngôn ngữ học.

2. Phương pháp và phạm vi nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu vấn đề ĐTXH trong truyện thơ LVT, chúng tôi sử dụng các phương pháp thống kê toán học, phân loại, phân tích và tổng hợp. Cụ thể, chúng

tôi tiến hành khảo sát toàn bộ hệ thống ĐTXH trong tác phẩm gồm 84 đại từ. Sau đó, chúng tôi phân chúng thành hai loại là ĐTXH chuyên dùng và ĐTXH lâm thời. Từ kết quả khảo sát, chúng tôi tiến hành phân tích chức năng của các đại từ này. Cuối cùng, chúng tôi rút ra những đặc trưng của các ĐTXH trong LVT.

Phạm vi nghiên cứu: Vấn đề ĐTXH trong LVT có thể tìm hiểu ở nhiều khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu một số khía cạnh như khảo sát, phân loại và phân tích chức năng cũng như một số đặc điểm của ĐTXH trong LVT.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khảo sát ĐTXH trong LVT

“Đại từ xưng hô là những từ dùng để thay thế và biểu thị các đối tượng tham gia quá trình giao tiếp” [7, tr. 73]. Chúng tôi khảo sát hệ thống ĐTXH ở các lượt lời của các nhân vật trong LVT qua hai lớp ĐTXH chuyên dùng và ĐTXH lâm thời.

3.1.1. ĐTXH chuyên dùng

ĐTXH chuyên dùng còn được hiểu là những ĐTXH đích thực, như các từ *tôi, tao, chúng tôi, mày, chúng mày, hắn, họ*,... ĐTXH chuyên dùng thể hiện rõ bản chất của đại từ. Về cơ bản, ĐTXH chuyên dùng được dùng phân biệt một ngôi (person) xác định trong ba ngôi (ngôi một, ngôi hai và ngôi ba) với số (number) xác định là số ít hay số nhiều. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, ĐTXH chuyên dùng được dùng linh hoạt ở những ngôi khác nhau [7].

Theo kết quả khảo sát, trong LVT, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng 17 ĐTXH chuyên dùng (17/ 84 ĐTXH – chiếm 20,2 %) với 89 lần sử dụng (trung bình mỗi ĐTXH chuyên dùng được sử dụng 5,3 lần), cụ thể là những đại từ sau: *ai* (4 lần), *bay* (1 lần), *bậu* (2 lần), *đấy* (4 lần), *đó* (2 lần), *đứa* (1 lần), *mày* (2 lần), *mình* (5 lần), *ngài* (1 lần), *ngươi* (5 lần), *nó* (1 lần), *qua* (1 lần), *ta* (26 lần), *tao* (1 lần), *tôi* (29 lần), *trẫm* (1 lần), *tớ* (3 lần). Trong các

ĐTXH chuyên dùng trên, một số đại từ được sử dụng linh hoạt theo các ngôi khác nhau: *ai* là đại từ phiếm chỉ được dùng ở cả ngôi một và ngôi hai, *mình* là đại từ được sử dụng theo ngôi gộp và phân thân, *đó* là đại từ chỉ định được dùng theo ngôi thứ hai, *đây* là đại từ chỉ định được dùng theo ngôi thứ nhất, *ta* là đại từ được dùng ở ngôi thứ nhất và ngôi gộp. Trong tiếng Việt, *tôi* là một ĐTXH chuyên dùng được dùng theo sắc thái trung tính (không mang tình cảm) và sắc thái tình cảm (tức giận, giận hờn, thân thiết). Trong *LVT*, Nguyễn Đình Chiểu sử dụng đại từ chuyên dùng *tôi* rất nhiều lần (29 lần). Ngoài hai sắc thái trên, ĐTXH chuyên dùng *tôi* thường được sử dụng trong xưng hô giữa nhân vật thuộc vai dưới với nhân vật thuộc vai trên mà vẫn giữ sắc thái tôn trọng. Đó là cách sử dụng từ ngữ mang sắc thái Nam Bộ. Ngoài ra, Nguyễn Đình Chiểu còn sử dụng một số ĐTXH chuyên dùng khác thuộc lớp từ vựng là phương ngữ Nam Bộ như *bậu*, *qua*. Những ĐTXH chuyên dùng này góp phần cá tính hóa nhân vật theo sắc thái địa phương Nam Bộ. Dưới đây, chúng tôi xin đưa ra một số ví dụ để minh chứng cho những điều đã trình bày ở trên:

(1) *Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài*

Nào ai chịu lấy của ai làm gì [5, tr.38]

(2) *Công rằng: Muốn trọn việc mình*

Phải toan một chước dứt tình mới xong [5, tr. 80]

(3) *Đó mà biết chữ thủy chung*

Lựa là đây phải theo cùng làm chi [5, tr. 37]

(4) *Chỉ lăm bấn nhận ven mây*

Danh tôi đặng rạng, tiếng thầy bay xa [5, tr. 29]

3.1.2. ĐTXH lâm thời

Theo khảo sát của chúng tôi, trong *LVT*, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng 66 ĐTXH lâm thời (67/ 84 ĐTXH – chiếm 79,8 %) với 200 lần sử dụng (trung bình mỗi ĐTXH lâm thời được sử dụng 3 lần), cụ thể là những đại từ sau: *anh* (11 lần), *bà* (1 lần), *bạn* (1 lần), *ca ca* (1 lần), *cô* (1 lần), *cha mẹ* (1 lần), *chị dâu* (2 lần), *chư hữu* (1 lần), *con* (32 lần), *thằng* (3 lần), *con trẻ* (1 lần), *cha* (11 lần), *chị* (2 lần), *chồng* (1 lần), *chú* (2 lần), *dâu* (1 lần), *em* (4 lần), *mẹ* (2 lần), *ngãi tể* (1 lần), *nhạc gia* (1 lần), *ông* (4 lần), *anh hùng* (1 lần), *bốn quan* (1 lần), *chàng* (6 lần), *cổ nhân* (1 lần), *đàng hung đồ* (1 lần), *đồng tử* (1 lần), *già* (4 lần), *Kiều Lão Thái Khanh* (1 lần), *Minh* (1 lần), *lão* (6 lần), *lão bà* (1 lần), *lão quán* (1 lần), *nàng* (10 lần), *ngọc hữu* (1 lần), *Nguyệt Nga* (3 lần), *ngư ông* (1 lần), *người* (7 lần), *nhân huynh* (1 lần), *nữ nhi* (1 lần), *ông quán* (1 lần), *pháp* (1), *Phật Bà* (1 lần), *quân* (1 lần), *quân tử* (3 lần), *quốc trạng* (1 lần), *Quỳnh Trang* (1 lần), *thái sư* (3 lần), *thầy* (1 lần), *thầy* (19 lần), *thầy cử* (1 lần), *thiếp* (7 lần), *Tiên* (2 lần), *tiên thiếp* (2 lần), *tiểu đồng* (3 lần), *tiểu nhi* (1 lần), *tiểu sinh* (1 lần), *tiểu tử* (1 lần), *tiểu thư* (1 lần), *trạng* (2 lần), *trạng nguyên* (2 lần), *trẻ* (3 lần), *tri âm* (1 lần), *Trục* (2 lần), *Vân Tiên* (3 lần), *Võ công* (1 lần) *vợ* (2 lần). Có thể thấy, Nguyễn Đình Chiểu sử dụng các ĐTXH lâm thời có loại từ gốc thuộc hai loại danh từ và tính từ. Trong đó, danh từ chiếm tỉ lệ chủ yếu: gồm danh từ thân tộc và những danh từ chỉ các mối quan hệ, vị thế trong xã hội cũng như quan hệ tâm linh. Một số trường hợp,

Nguyễn Đình Chiểu sử dụng những ĐTXH lâm thời có nguồn gốc là danh từ thân tộc ít được dùng trong giao tiếp hàng ngày của người Việt. Đó là những ĐTXH lâm thời có nguồn gốc là danh từ thân tộc chỉ mối quan hệ hôn nhân như *vợ*, *chồng*, *dâu*, *ngãi tể*,...

(5) *Hậu đường con khá tạm lui*

Làm khuấy dạ trẻ cho vui lòng già [5, tr. 41]

(6) *Vân Tiên anh hỡi có hay*

Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng [5, tr. 99]

(7) *Hỏi rằng: Nàng phải Nguyệt Nga*

Khả tua găng gương về nhà cùng ta

(8) *Sở vương nghe tấu rõ ràng*

Phán rằng: Trẫm tưởng rằng nàng ở Phiên

Chẳng ngờ nàng với Trang nguyên

Cùng nhau trước có nhân duyên thừa đầu [5, tr.115].

3.2. ĐTXH – dấu hiệu thể hiện những quan hệ cá nhân trong LVT

“Theo quan điểm của Labov và Fanshel, sự tương tác bằng lời là hoạt động có tác động duy trì hay làm phương hại tới những quan hệ giữa những người đối thoại trong giao tiếp” [1, tr.121]. Những quan hệ cá nhân được xét dưới ba góc độ: quan hệ ngang, quan hệ dọc, hiệp đồng và tranh chấp. Chúng tôi tìm hiểu chức năng của ĐTXH qua việc thể hiện quan hệ ngang và quan hệ dọc trong *LVT* của Nguyễn Đình Chiểu.

3.2.1. ĐTXH – dấu hiệu thể hiện quan hệ ngang

Quan hệ ngang còn được hiểu là quan hệ thân sơ. “Quan hệ này được đặc trưng cho sự gần gũi hoặc xa cách trong quan hệ” [1, tr.122]. “Hệ thống đại từ, những từ nhân xưng dùng thừa gửi...mang sắc thái quan hệ cá nhân rõ ràng” [1, tr.122].

Từ kết quả khảo sát trên, chúng tôi nhận thấy hệ thống ĐTXH trong *LVT* của Nguyễn Đình Chiểu cũng thể hiện rất rõ ràng về mối quan hệ thân sơ giữa các nhân vật. Đó là:

- Quan hệ thầy trò thân thiết:

(9) *Hay là con hãy hồ nghi*

Thầy bàn một việc khoa kỳ ban trưa

Vân Tiên nghe nói liền thưa

Tiểu sinh chưa biết nắng mưa thế nào [5, tr. 30]

- Quan hệ thân mật trong gia đình:

(10) *Lục ông người nói cùng cha*

Duyên con rày đã trôi hoa dạt bèo [5, tr. 90]

- Quan hệ bằng hữu:

(11) *Tiên rằng: Tôi vốn chẳng may*

Chẳng hay chư hữu khoa này thế nao? [5, tr. 73]

- Quan hệ sơ (xã giao):

(12) *Tiên rằng: Bó chú công con*

Việc chi nên nổi bon bon chạy hoài

Dân rằng: Tiểu tử là ai

Hay là một lũ sơn đài theo tao [5, tr. 33]

- Quan hệ thù ghét:

(13) Kêu rằng: Bớ đảng hung đồ

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân

Phong Lai mặt đỏ phừng phừng

Thằng nào lại dám lấy lừng vào đây

Trước gây việc dữ tại mày

Truyền quân bốn phía búa vẩy bịt bùng [5, tr. 34]

- Quan hệ khinh thường:

(14) Hâm rằng: Lão quán nói nhăng

Dầu cho trái việc cũng thằng bán com [5, tr. 56]

- Quan hệ vận động từ sơ đến thân:

(15) Thưa rằng: Tôi thiệt người ngay

Sa cơ nên mới làm tay hung đồ

Trong xe chật hẹp khôn phò

Cúi đầu tôi lạy cứu cô tôi cùng

Vân Tiên nghe nói động lòng

Đáp rằng: Ta đã trừ dòng lâu la

Khoan khoan ngồi đó chớ ra

Nàng là phận gái ta là phận trai

Tiểu thư con gái nhà ai

Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ [5, tr. 35]

Hệ thống ĐTXH đã góp phần không nhỏ vào việc điển hình hóa các mối quan hệ của các nhân vật trong *LVT*. Những mối quan hệ giữa các nhân vật dựa trên sự chi phối của quan niệm Nho giáo và Phật giáo. Trong đó, quan niệm của Nho giáo chiếm vai trò chủ đạo. Từ sự chi phối đó, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng nên quan niệm yêu ghét, xấu tốt rạch ròi giữa các nhân vật.

3.2.2. ĐTXH – dấu hiệu thể hiện quan hệ dọc

Quan hệ dọc còn được hiểu là quan hệ vị thế. “Đây là quan hệ tôn ti xã hội, tạo thành các vị thế trên dưới xếp thành tầng bậc trên một trục dọc. Vì vậy quan hệ này được đặc trưng bằng yếu tố quyền lực” [1, tr. 124]. “Giống như ở quan hệ ngang, những cặp từ xưng hô, hệ thống đại từ, những nghi thức xưng hô... cũng thể hiện quan hệ vị thế” [1, tr. 126].

Trong *LVT*, hệ thống ĐTXH thể hiện đa dạng mối quan hệ dọc. Ở đó, chúng ta bắt gặp các mối quan hệ sau:

- Quan hệ tôn ti giữa thầy với trò:

(16) Rày con xuống chốn phong trần

Thầy cho hai đạo phù trần đem theo [5, tr. 29]

- Quan hệ giữa người ít tuổi với người nhiều tuổi:

(17) Dân rằng: Lũ nó còn đây

Qua xem tướng bầu thơ ngây đã đành [5, tr. 34]

- Quan hệ tôn ti trong gia đình như giữa cha với con, mẹ với con, cha mẹ với con cái, vợ với chồng, bố vợ với con rể, bố chồng với nàng dâu:

(18) Nàng rằng: Con kể chi con

Bơ vợ chút phận, mắt còn quân bao

Thương cha tuổi tác đã cao

E khi ấm lạnh buổi nào biết dâu [5, tr. 96]

- Quan hệ giữa người gia ơn với người chịu ơn:

(19) Than rằng: Đó khéo trêu đây

Ơn kia đã mấy của này rất sang

Gặp nhau đang lúc giữa đang

Một lời cũng nhớ, ngàn vàng chẳng phai [5, tr. 38]

- Quan hệ giữa nam với nữ theo chế độ phong kiến:

(20) Đưa trâm chàng đã làm ngơ

Thiếp xin đưa một bài thơ giã từ [5, tr. 38]

- Quan hệ chủ tớ như giữa chủ với đầy tớ, con rể tương lai của chủ với đầy tớ, bạn chủ với đầy tớ:

(21) Tiểu đồng hồn bầu có thiêng

Thỏa tình thầy tớ lòng thiêng ngày nay [5, tr. 119]

- Quan hệ kết nghĩa như giữa anh em kết nghĩa, nhạc phụ tương lai của anh kết nghĩa với người kết nghĩa với con rể tương lai, chị dâu tương lai (kết nghĩa với chồng) với em kết nghĩa (với chồng):

(22) Vợ Tiên là Trúc chị dâu

Chị dâu em bạn dám dâu lỗi ngi [5, tr. 88]

- Quan hệ giữa người cần giúp đỡ với người có khả năng giúp đỡ như thầy thuốc với người đi tìm thầy thuốc, thầy bói với người đi tìm thầy bói, thầy pháp với người đi tìm thầy pháp:

(23) Đồng rằng: Tiền bạc chẳng nhiều

Xin thầy nghe lượng đặng điều thuốc thang

May mà bệnh ấy đặng an

Bạc còn hai lượng trao sang cho thầy

Ngang rằng: Ta ở chốn này

Ba đời nổi ngiệp làm thầy cả ba [5, tr. 62]

- Quan hệ giữa quan với dân:

(24) Trang rằng: Tướng chữ hôn nhân

Mẹ con tôi đến lễ mùng trạng nguyên [5, tr. 121]

- Quan hệ giữa vua với bề tôi:

(25) Sắc phong Kiều Lão Thái Khanh

Việc trong nhà nước, trẫm nhờ cậy ngươi [5, tr. 95]

- Quan hệ giữa thần linh với tín đồ:

(26) Khi đêm nằm thấy Phật Bà

Người đà mách bảo nên già tới đây [5, tr. 106].

- Quan hệ giữa kẻ có tội với người có quyền trừng phạt:

(27) Hâm rằng: Nhờ lượng cổ nhân

Vốn tôi mới dại một lần xin dung

Trạng rằng: Hề đáng anh hùng

Nào ai có giết đưa cùng làm chi

Thôi thôi ta cũng rộng tay

Truyền quân mở trời đuổi đi cho rồi [5, tr. 118]

Cùng với quan niệm Nho giáo, Nguyễn Đình Chiểu đã xây dựng thành công nhiều mối quan hệ xã hội theo tôn ti lý tưởng với lý thuyết tam cương, ngũ thường: vua tôi, cha con, thầy trò, bạn hữu, vợ chồng, nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Ở đó, nhân vật thuộc vai dưới cũng như nhân vật thuộc vai trên đều giữ đúng bổn phận của mình. Nếu nhân vật nào đó đi lệch khỏi trật tự tôn ti xã hội lý tưởng đó sẽ bị lên án. Bên cạnh, Nguyễn Đình Chiểu còn xây dựng nên

một mối quan hệ riêng vượt ra khỏi phạm vi xã hội phong kiến, mang tính nhân văn sâu sắc. Đó là mối quan hệ giữa Lục Vân Tiên với Kiều Nguyệt Nga. Qua hệ thống ĐTXH của hai nhân vật này, chúng ta nhận thấy Nguyễn Đình Chiểu dù vẫn duy trì tôn ti nam nữ trong xã hội phong kiến, nhưng cũng đã cho nhân vật của mình “vượt rào” xã hội. Điều đó được thể hiện qua việc Nguyễn Đình Chiểu để Kiều Nguyệt Nga – nữ giới chủ động trong chuyện tình cảm, tự nhận mình là *vợ*, là *dâu*, nhận Lục Vân Tiên là *chồng*, nhận cha Lục Vân Tiên (Lục ông) là *cha* (chồng) và quyết tâm chung thủy, giữ đạo thờ chồng.

4. Kết luận và khuyến nghị

Theo kết quả khảo sát của chúng tôi, trong *LVT*, Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng 84 ĐTXH (17 ĐTXH chuyên dùng và 67 ĐTXH lâm thời) với 289 lần xuất hiện (trung bình mỗi ĐTXH được sử dụng 3,44 lần). Như vậy, Nguyễn Đình Chiểu chủ yếu sử dụng các ĐTXH lâm thời (tỉ lệ 1: 3,94). Trong hệ thống ĐTXH của *LVT*, những đại từ sau có tần số xuất hiện nhiều như: *con* (32 lần), *tôi* (29 lần), *ta* (26 lần), *thầy* (19 lần), *anh* (11 lần), *cha* (11 lần), *nàng* (10 lần), *người* (7 lần), *thiếp* (7 lần), *chàng* (6 lần), *lão* (6 lần), *mình* (5 lần), *ngươi* (5 lần).

Các ĐTXH lâm thời có hiện thể gốc chủ yếu thuộc nhóm danh từ: danh từ thân tộc, danh từ chỉ vị thế và các mối quan hệ xã hội, quan hệ tâm linh. Hiện tượng sử dụng danh từ thân tộc theo mối quan hệ hôn nhân lâm thời làm ĐTXH ít gặp trong tiếng Việt. “Thay cho đại từ chỉ người với “tam ngôi phân lập”, trong tiếng Việt, hệ thống xưng hô đã dùng một cách rộng rãi các *danh từ chỉ quan hệ thân tộc*, đó là một nhóm quan trọng trong danh từ chỉ người: *ông, bà, chú, bác, anh, chị, cậu, mợ, cô, dì, cha mẹ, con...* trừ các từ *vợ, chồng*” [3, tr.204]. Tuy nhiên, trong *LVT*, Nguyễn Đình Chiểu lại sử dụng một số danh từ thân tộc chỉ mối quan hệ hôn nhân như *chồng* (1 lần), *vợ* (2 lần), *dâu* (1 lần)... lâm thời làm ĐTXH. Ngoài ra, trong một số trường hợp, Nguyễn Đình Chiểu còn sử dụng cả những danh từ riêng lâm thời thành ĐTXH như *Kiều Lão Thái Khanh* (1

lần), *Minh* (1 lần), *Nguyệt Nga* (3 lần), *Phật Bà* (1 lần), *Quỳnh Trang* (1 lần), *Tiên* (2 lần), *Trúc* (2 lần), *Vân Tiên* (3 lần). Một số ĐTXH lâm thời được Nguyễn Đình Chiểu sử dụng thuộc hiện tượng đồng nghĩa như *anh - ca ca - nhân huynh, bạn - chư hữu - ngọc hữu, tiểu đồng - đồng tử, trạng - quốc trạng - trạng nguyên, thầy - thầy, thiếp - tiện thiếp, Tiên - Vân Tiên*. Nhiều ĐTXH lâm thời thuộc lớp từ vựng thi ca, từ lịch sử.

Hệ thống ĐTXH trong *LVT* có chức năng rất quan trọng trong việc thể hiện mối quan hệ giữa các nhân vật như quan hệ ngang, quan hệ dọc. Trong quan hệ ngang, mối quan hệ giữa các nhân vật được lưỡng phân theo hai thể thân/ sơ rõ ràng. Trong quan hệ dọc, mối quan hệ giữa các nhân vật được phân thành ba nhóm: quan hệ tôn ti trong gia đình, quan hệ tôn ti ngoài xã hội và quan hệ tâm linh.

Bài viết đi theo hướng nghiên cứu liên ngành Ngôn ngữ - Văn học. Nó có thể ứng dụng vào thực tiễn dạy và học cũng như nghiên cứu về *Lục Vân Tiên* nói riêng, về văn chương nói chung như: Tìm hiểu về hệ thống nhân vật, phong cách ngôn ngữ nhà văn; nhà thơ qua hệ thống đại từ xưng hô.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đức Dân (2008), *Ngữ dụng học, tập một*, Nxb Giáo dục.
- [2] Nhà xuất bản Tổng hợp Khánh Hòa (1991), *Nguyễn Đình Chiểu, Phê bình Bình luận Văn học*.
- [3] Đinh Văn Đức (1985), *Ngữ pháp tiếng Việt, từ loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thiện Giáp (2010), *777 Khái niệm Ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Nhà xuất bản Giáo dục Giải phóng (1973), *Tác phẩm chọn lọc: Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*.
- [6] Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [7] Trương Thị Diễm – Bùi Trọng Ngoãn (2007), *Tiếng Việt*, Trung tâm Đào tạo TX, Đại học Đà Nẵng.
- [8] Nguyễn Ngọc Thiện (Tuyển chọn và giới thiệu) (2003), *Nguyễn Đình Chiểu về tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.

(BBT nhận bài: 30/05/2016, phản biện xong: 28/07/2016)